

Bản án số 01/2023/DS-ST

Ngày 02-03-2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”
giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị S”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Anh.
2. Bà Nguyễn Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 2 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số nhà 21 đường Văn Cao, khu phố 8, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.
2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1965; nơi cư trú: Đội 6, thôn Bích La Đông, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022, biên bản hòa giải 03/11/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào ngày 03/12/2015 âm lịch (tức ngày 12/01/2016) bà Lê Thị S đã vay của ông Nguyễn Văn Đ số tiền gốc 130.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng; thời hạn vay 6 năm, lãi thanh toán hàng tháng. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng bà Sáu không chịu thanh toán số tiền gốc cũng như trả lãi hàng tháng, mặc dù ông Đ đã nhiều lần yêu cầu bà Sáu trả khoản nợ đã vay nhưng bà S không chịu thực hiện. Vì vậy, ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị S phải trả khoản tiền gốc là 130.000.000 đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày 12/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng thành tiền là 111.366.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu bà Sáu phải trả khoản tiền gốc và lãi là 241.366.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 19/10/2022 và biên bản hòa giải 03/11/2022, bị đơn bà Lê Thị S trình bày:

Từ năm 1988 đến năm 2015 gia đình bà S sinh sống tại khu phố 3, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Năm 2015 do đường Lê Lợi giải tỏa nên gia đình bà S đi thuê trọ một thời gian đến tháng 10/2016 thì làm nhà mới để sinh sống. Năm 2017, bà S quen biết với ông Đ và có vay trả góp tiền của ông Đ nhiều lần với hình thức trả góp, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, góp mỗi ngày 60.000 đồng; trả góp trong vòng 100 ngày thành tiền là 6.000.000 đồng và hoàn tất việc vay nợ cho ông Đ, việc vay trả góp không có giấy tờ gì. Năm 2018, bà S có vay nóng của ông Đ số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay một tháng, bà S có ký và lấn tay xác nhận nợ trong sổ tay của ông Đ. Đến tháng 10/2019 bà S chuyển về quê sinh sống và có gọi ông Đ để thanh toán khoản nợ 6.000.000 đồng và kể từ đó đến nay không vay nợ hay liên lạc với ông Đ. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà S trả cho ông Đ khoản tiền vay 130.000.000 đồng và tiền lãi là không có căn cứ vì bà S không bao giờ vay nợ tiền của ông Đ.

Tại phiên hòa giải ngày 03/11/2022, bà Lê Thị S cho rằng không nợ tiền của ông Nguyễn Văn Đ; giấy vay nợ mà ông Đ cung cấp cho Tòa án để khởi kiện bà S có số tiền gốc 130.000.000 đồng không phải là chữ ký và điểm chỉ của bà S và bà S đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và điểm chỉ trong giấy vay nợ mà ông Đ cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 13/10/2022 Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án số 38/2022/TLST-DS về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị S. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Đ và bà S và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/11/2022. Tại phiên hòa giải, bà S đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và điểm chỉ trong giấy vay nợ mà ông Đ cung cấp cho Tòa án để khởi kiện bà S. Tòa án ra thông báo số 20/TB-TA về việc yêu cầu bà Lê Thị S nộp tạm ứng chi phí giám định và giao thông báo trực tiếp cho bà S, hết thời hạn thông báo, bà S không thực hiện việc nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Ngày 30/12/2022, Tòa án ban hành thông báo phiên hòa giải và ấn định hòa giải vào ngày 06/01/2023, tuy nhiên tại phiên hòa giải, ông Đ có mặt, riêng bà S vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Ngày 07/2/2023, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 23/2/2023 nhưng bà S vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 02/3/2023. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ có mặt, bà S vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án: Hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn Đ với bà Lê Thị S lập ngày 03/12/2015 âm lịch (tức ngày 12/01/2016), thời điểm ký kết hợp đồng thì Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật; thời hạn trả nợ cuối cùng là 12/01/2022, thời điểm trả nợ cuối cùng thì Bộ luật dân sự

năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng vay tài sản có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án này.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, cụ thể: Buộc bà Lê Thị S phải trả khoản tiền gốc và lãi là 241.366.000 đồng, trong đó tiền gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi 111.366.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với khoản tiền gốc: Căn cứ chứng cứ do ông Đ cung cấp để khởi kiện bà S, đây là giấy tờ được các bên viết tay ghi nội dung vay tiền, cụ thể: “Hôm nay ngày 3/12/2015 âl, tại nhà số 4, Nguyễn Chí Thanh, Đông Hà, tôi Lê Thị S đã thỏa thuận vay của ông Nguyễn Văn Đ số 04, Nguyễn Chí Thanh, Đông Hà 1 số tiền là 130.000.000 đồng, lãi 1%/tháng, cùng sự chứng kiến việc vay tiền có bà Nguyễn Thị H và Phạm Thị Bình N. Thời gian vay 6 năm, lãi phải trả hàng tháng. Theo hợp đồng vay thì ngày 3 tháng 12 năm 2015 âl, đã nhận đủ tiền vay 130.000.000 đồng”. Phần cuối giấy vay tiền có chữ ký và điểm chỉ dấu vân tay của bà S và chữ ký của hai người làm chứng bà H, bà N. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ khẳng định bà S vay nợ và xác nhận nợ vào giấy vay tiền và điểm chỉ vào giấy vay; phía bà S cho rằng không nợ tiền của ông Nguyễn Văn Đ; giấy vay nợ mà ông Đ cung cấp cho Tòa án để khởi kiện bà S có số tiền gốc 130.000.000 đồng không phải là chữ ký và điểm chỉ của bà S và bà S đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và điểm chỉ trong giấy vay nợ mà ông Đ kiện bà S tại Tòa án. Theo yêu cầu của bà S, Tòa án đã yêu cầu bà S nộp tạm ứng chi phí giám định nhưng hết thời hạn yêu cầu bà S không thực hiện nên Tòa án không tiến hành trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, phía ông Đ cho rằng hai người làm chứng trong giấy vay nợ là do bà S dẫn đến khi vay nợ ông Đ, còn bà S cũng không cung cấp địa chỉ của người làm chứng nên căn cứ giấy thỏa thuận vay tiền mà ông Đ cung cấp để khởi kiện để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, buộc bà Lê Thị S phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền gốc 130.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi: Theo giấy thỏa thuận vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, đây là hợp đồng vay tiền có thỏa thuận lãi suất và phù hợp với mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên áp dụng khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự để buộc bà S phải trả lãi cho ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu tiền lãi tính đến ngày 12/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/3/2023 là 85 tháng 20 ngày (tức 2.570 ngày), lãi suất 1%/tháng nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Đ về khoản tiền lãi với số tiền 111.366.000 đồng $[130.000.000 \text{ đồng} \times 2.570 \text{ ngày} \times 1\%/\text{tháng} (30 \text{ ngày})]$.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Lê Thị S phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi 111.366.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là 241.366.000 đồng.

[4] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội đề buộc bà Lê Thị S phải chịu 12.068.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (241.366.000 đồng x 5%)

Ông Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn trả số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Lê Thị S phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi 111.366.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là 241.366.000 đồng (*hai trăm bốn mươi một triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị S phải chịu 12.068.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN – THẨM PHÁN, CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

